

Bản án số: 05/2019/HS-ST  
Ngày: 05-4-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-HS, ngày 21 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Minh T, sinh năm 1990 tại Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh B và bà Ngô Thị L; tiền án: tại Bản án hình sự phúc thẩm số 02/2014/HSPT ngày 06-01-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2013/HSST ngày 01-11-2013 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 (tám) năm tù về tội cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự. Ngày 17-7-2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, về phần trách nhiệm dân sự bị cáo chưa thi hành; tiền sự: không; về nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2012/HSST ngày 13-3-2012 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; ngày bị tạm giữ 03-12-2018, sau chuyển sang tạm giam từ ngày 12-12-2018 cho đến nay; có mặt.

**- Bị hại:**

1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992; nơi cư trú: tổ 01, ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Anh Quách Công D, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lê Minh B, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 12 năm 2018, Lê Minh T nảy sinh ý định tìm những phòng trọ mà chủ phòng trọ ngủ không khóa cửa để lén lút trộm điện thoại bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, T điều khiển xe mô tô biển số 61G1-302.95 chạy dọc theo dãy nhà trọ thuộc Công ty B tại 5B đường N7, tổ 10, khu phố B1, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương quan sát tìm kiếm tài sản để trộm. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T phát hiện tại phòng số 01 thuộc dãy trọ số 6 và phòng số 4 thuộc dãy trọ số 02 không khóa cửa. T dừng xe trước dãy trọ số 02, đi bộ đến phòng số 01 thuộc dãy trọ số 06, đẩy cửa vào phòng lén lút lấy 01 điện thoại di động hiệu Masstel, loại Juno Q6 của anh Quách Công D (lúc này anh D đang ngủ). Sau đó, T quay về phòng số 04 của dãy trọ số 02, đẩy cửa vào phòng lén lút lấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 của anh Phạm Văn H (lúc này anh H đang ngủ). Sau khi lấy được 02 điện thoại di động trên, T quay trở về xe mô tô biển số 61G1-302.95 thì gặp anh Thái Thành T và anh Nguyễn Văn Hồng N là bảo vệ của Công ty B, sợ bị phát hiện nên T bỏ 02 điện thoại di động vừa trộm được vào chậu cây cảnh gần đó thì bị anh T và anh N phát hiện báo Công an thị trấn L.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Masstel loại Juno Q6, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5, 01 xe mô tô biển số 61G1-302.95, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe tự nguyện, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 034538 mang tên Lê Minh B, 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, 01 ví da màu đen bên trong có 32.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh T.

Xe mô tô biển số 61G1-302.95, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe tự nguyện, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 034538 mang tên Lê Minh B là tài sản của ông Lê Minh B, ông B không biết bị cáo T mượn xe để làm phương tiện trộm cắp tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐG ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận:

01 điện thoại di động hiệu Masstel loại Juno Q6 trị giá 1.350.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 trị giá 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Minh T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng:

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định xử lý vật chứng: trả 01 điện thoại di động hiệu Masstel cho anh Quách Công D; trả 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 cho anh Phạm Văn H; trả 01 xe mô tô biển số 61G1-302.95, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe tự nguyện, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 034538 mang tên Lê Minh B cho ông Lê Minh B. Anh D, anh H và ông B đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, 01 ví da màu đen bên trong có 32.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh T là tài sản của bị cáo T, T không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho bị cáo T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Bản Cáo trạng số 09/KSĐT ngày 20 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên không xem xét.

Bị cáo Lê Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Bị cáo Lê Minh T nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được sớm về đoàn tụ với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào lúc 23 giờ ngày 02 tháng 12 năm 2018, tại dãy nhà trọ thuộc Công ty B tại 5B đường N7, tổ 10, khu phố B1, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, Lê Minh T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Masstel loại Juno Q6 của anh Quách Công D và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 của anh Phạm Văn H. Tài sản bị cáo T chiếm đoạt có tổng giá trị 4.350.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo T đã vi phạm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, thì:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..”*

Như vậy, hành vi trộm 02 điện thoại di động trị giá 4.350.000 đồng của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[5] Tại phiên tòa: bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

- Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo Thanh là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của công dân mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

- Về nhân thân: ngày 13-3-2012, bị cáo T bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 01-11-2013, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 (tám) năm tù về tội cướp tài sản; tháng 7-2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đến tháng 12-2018, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cho thấy, bản thân bị cáo không ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Có cơ sở xác định bị cáo có nhân thân xấu.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo T là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng:

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã ra Quyết định xử lý vật chứng: trả 01 điện thoại di động hiệu Masstel cho anh Quách Công D; trả 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 cho anh Phạm Văn H; trả 01 xe mô tô biển số 61G1-302.95, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe tự nguyện, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 034538 mang tên Lê Minh B cho ông Lê Minh B; trả lại 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, 01 ví da màu đen bên trong có 32.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê

Minh T cho bị cáo T là đúng quy định pháp luật.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 12 năm 2018.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Minh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Ánh Tuyết**